



BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 01/2023



NTB
LEGAL



72C Nguyễn Khang, Yên
Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội



024.2322.5888
0943.996.589



<http://ntblegal.vn/>

MỤC LỤC

CÁC CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI CÓ HIỆU LỰC	1
1. Sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ	1
2. Những điểm mới của Luật Kinh doanh bảo hiểm	3
3. Bỏ Sổ hộ khẩu giấy và các phương thức tra cứu thông tin cư trú của công dân thay thế Sổ hộ khẩu giấy	5
4. Các chính sách mới về Bảo hiểm y tế (BHYT)	6
5. Tăng mức lãi suất cho vay hỗ trợ nhà ở năm 2023	8
6. Từ năm 2023, điều chỉnh mức phụ cấp trách nhiệm cán bộ công đoàn cơ sở.....	8
7. Tăng độ tuổi nghỉ hưu của người lao động.....	9
8. Thuế suất thuế giá trị gia tăng của nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trở về mức 10%	9
GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT	10
1. Từ ngày 01/01/2023, Sổ hộ khẩu giấy, Sổ tạm trú giấy hết giá trị sử dụng. Vậy làm thế nào để sử dụng, khai thác thông tin cư trú của công dân khi thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự?	10
2. Các quy định của pháp luật về sử dụng pháo hoa như thế nào?.....	13
3. Làm thế nào để bảo đảm an toàn an ninh thông tin cho camera giám sát.....	15
4. Đã có thể tố giác tội phạm trực tuyến thông qua ứng dụng định danh điện tử VNeID	17
5. Có được chuyển nhượng cổ phần trong công ty cổ phần cho người 12 tuổi không?	19
HƯỚNG DẪN THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP KINH DOANH BẢO HIỂM	21
ĐIỂM TIN HOẠT ĐỘNG	28
VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 01/2023	32

CÁC CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI CÓ HIỆU LỰC

1. Sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ



Luật số 07/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ do Quốc hội ban hành ngày 16/6/2022 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2023 (gọi tắt là Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022). Một số điểm mới nổi bật của Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022 như:

1.1. Sửa đổi, bổ sung một số thuật ngữ trong Luật Sở hữu trí tuệ

Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022 đã sửa đổi một số thuật ngữ: Tác phẩm phái sinh; Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố; Sao chép; Phát sóng; Kiểu dáng công nghiệp; Nhãn hiệu nổi tiếng; Chỉ dẫn địa lý; Và bổ sung thêm một số thuật ngữ mới:

- *Tiền bản quyền* là khoản tiền trả cho việc sáng tạo hoặc chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, bao gồm cả tiền nhuận bút, tiền thù lao.

- *Biện pháp công nghệ bảo vệ quyền* là biện pháp sử dụng bất kỳ kỹ thuật, công nghệ, thiết bị hoặc linh kiện nào trong quá trình hoạt động bình thường có chức năng chính nhằm bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan đối với

hành vi được thực hiện mà không được sự cho phép của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.

- *Biện pháp công nghệ hữu hiệu* là biện pháp công nghệ bảo vệ quyền mà chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan kiểm soát việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa thông qua các ứng dụng kiểm soát truy cập, quy trình bảo vệ hoặc cơ chế kiểm soát sao chép.

- *Thông tin quản lý quyền* là thông tin xác định về tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa; về tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan và các điều kiện khai thác, sử dụng; số hiệu, mã số thể hiện các thông tin nêu trên. Thông tin quản lý quyền phải gắn liền với bản sao hoặc xuất hiện đồng thời với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng khi tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được truyền đến công chúng.

- *Truyền đạt đến công chúng* là việc truyền đến công chúng tác phẩm; âm thanh, hình ảnh của cuộc biểu diễn; âm thanh, hình ảnh hoặc sự tái hiện của âm thanh, hình ảnh được định hình trong bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện nào ngoài phát sóng.

- *Sáng chế mật* là sáng chế được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định là bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

- *Chỉ dẫn địa lý đồng âm* là các chỉ dẫn địa lý có cách phát âm hoặc cách viết trùng nhau.

1.2. Bổ sung nội dung về tác giả, đồng tác giả

Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022 đã sửa đổi định nghĩa về tác giả, đồng tác giả. Theo đó, tác giả là người trực tiếp sáng tạo tác phẩm (thay cho quy định “tác giả là người tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm” như trước đây).

Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trực tiếp sáng tạo tác phẩm với chủ ý là sự đóng góp của họ được kết hợp thành một tổng thể hoàn chỉnh thì những người đó là các đồng tác giả (thay cho quy định “đồng tác giả là những tác giả cùng trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học”). Người hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo tác phẩm không phải là tác giả, đồng tác giả.

Bên cạnh đó, Luật sửa đổi 2022 cũng quy định về việc thực hiện quyền tác giả đối với tác phẩm của các đồng tác giả. Theo đó, “Việc thực hiện quyền nhân thân và quyền tài sản đối với tác phẩm có đồng tác giả phải có sự thỏa thuận của các đồng tác giả, trừ trường hợp tác phẩm có phần riêng biệt có thể tách ra sử dụng độc lập mà không làm phương hại đến phần của các đồng tác giả khác hoặc luật khác có quy định khác”.

1.3. Bổ sung quyền nhân thân của tác giả

Ngoài các quyền nhân thân đã được quy định tại Luật 2005, Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022 bổ sung thêm quy định mới về quyền nhân thân của tác giả, đó là: Tác giả có quyền

chuyển quyền sử dụng quyền đặt tên tác phẩm cho tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao quyền tài sản quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ 2005.



1.4. Bổ sung các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả

Bên cạnh việc sửa đổi quy định về các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả tại Luật 2005, Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022 còn bổ sung thêm trường hợp: “Sao chép bằng cách đăng tải lại trên báo, ấn phẩm định kỳ, phát sóng hoặc các hình thức truyền thông khác tới công chúng bài giảng, bài phát biểu, bài nói khác được trình bày trước công chúng trong phạm vi phù hợp với mục đích thông tin thời sự, trừ trường hợp tác giả tuyên bố giữ bản quyền” và các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người khuyết tật.

Ngoài ra, các thư viện khi sử dụng và sao chép tác phẩm cần lưu ý: Số lượng người đọc tại cùng một thời điểm không vượt quá số lượng bản sao của tác phẩm do các thư viện nắm giữ, trừ trường hợp được chủ sở hữu quyền cho phép và không áp dụng trong trường hợp tác phẩm đã được cung cấp trên thị trường dưới dạng kỹ thuật số.

2. Những điểm mới của Luật Kinh doanh bảo hiểm



Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 16/6/2022 (Sau đây gọi tắt là Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022) thay thế cho Luật Kinh doanh bảo hiểm 2000 bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/2023. Bộ thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm, mở rộng các loại hình bảo hiểm, hạn chế phạm vi kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm,... là những điểm mới của Luật này.

2.1. Bỏ quy định về thời hiệu khởi kiện hợp đồng bảo hiểm

Luật Kinh doanh bảo hiểm 2000 quy định thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là 03 năm, kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

Điều này gây ra mâu thuẫn với quy định của Bộ luật Dân sự 2015 về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*.

Để khắc phục tình trạng trên, Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 đã bỏ quy định thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm để áp dụng thống nhất với quy định của Bộ luật Dân sự.

2.2. Mở rộng các loại hợp đồng bảo hiểm

So với Luật cũ, Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 đã mở rộng hợp đồng bảo hiểm từ 03 thành 05 loại, bao gồm:

- Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ;
- Hợp đồng bảo hiểm sức khỏe;
- Hợp đồng bảo hiểm tài sản;
- Hợp đồng bảo hiểm thiệt hại;
- Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm.

2.3. Từ ngày 01/01/2028, doanh nghiệp bảo hiểm không được kinh doanh bất động sản

Hiện nay, doanh nghiệp bảo hiểm vẫn có thể sử dụng vốn nhân rồi để đầu tư kinh doanh bất động sản. Nhưng từ ngày 01/01/2028, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không được phép thực hiện các hoạt động đầu tư vào kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp:

- Mua cổ phiếu của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán, chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng;
- Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ;
- Cho thuê trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng;
- Nắm giữ bất động sản do xử lý trái phiếu có bảo đảm bằng bất động sản, do đối trừ công nợ phải thu bằng bất động sản trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nắm giữ.

2.4. Bên mua có 21 ngày để từ chối tham gia bảo hiểm nhân thọ sau khi đã mua

Theo đó, người mua bảo hiểm sẽ có một khoảng thời gian cân nhắc về việc có tham gia bảo hiểm hay không sau khi đã ký hợp đồng bảo hiểm như sau:

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm, trong thời hạn 21 ngày kể từ ngày nhận được hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm có quyền từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm.

- Trường hợp bên mua bảo hiểm từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm thì hợp đồng bảo hiểm sẽ bị hủy bỏ, bên mua bảo hiểm được hoàn lại phí bảo hiểm đã đóng sau khi trừ đi chi phí hợp lý (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm; doanh nghiệp bảo hiểm không phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Đây là một quy định có lợi cho người mua bảo hiểm, giúp người mua có một khoảng thời gian cân nhắc chắc chắn về các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm và các quyền lợi, nghĩa vụ của bản thân khi tham gia bảo hiểm.

Đối với các loại hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới hoặc bằng 01 năm sẽ không được áp dụng trường hợp này.

2.5. Bãi bỏ Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm đối với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài

Kể từ ngày 01/01/2023, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài dừng trích nộp Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm. Điều này đồng nghĩa với việc Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 đã bãi bỏ Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm.



2.6. Quy định chi tiết các trường hợp hợp đồng bảo hiểm vô hiệu

Điều 25 Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 quy định cụ thể, rõ ràng các trường hợp hợp đồng bảo hiểm vô hiệu hơn so với Luật cũ. Theo đó, hợp đồng bảo hiểm vô hiệu trong các trường hợp sau:

- Bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm;

- Không có đối tượng bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm;

- Tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm biết sự kiện bảo hiểm đã xảy ra;

- Mục đích, nội dung hợp đồng bảo hiểm vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội;

- Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm giả tạo;

- Bên mua bảo hiểm là người chưa thành niên; người mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Hợp đồng bảo hiểm được giao kết có sự nhầm lẫn làm cho một bên hoặc các bên không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng, trừ trường hợp mục đích giao kết hợp đồng của các bên đã đạt được hoặc các bên có thể khắc phục ngay được sự nhầm lẫn làm cho mục đích của việc giao kết hợp đồng vẫn đạt được;

- Hợp đồng bảo hiểm được giao kết do bị lừa dối, trừ trường hợp quy định tại Điều 22 của Luật này;

- Hợp đồng bảo hiểm được giao kết do bị đe dọa, cưỡng ép;

- Bên mua bảo hiểm không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;

- Hợp đồng bảo hiểm không tuân thủ quy định về hình thức quy định tại Điều 18 của Luật này.

Đồng thời, Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 cũng quy định cụ thể về hậu quả pháp lý khi hợp đồng bảo hiểm vô hiệu: “*Khi hợp đồng bảo hiểm vô hiệu thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và bên mua bảo hiểm hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường.*”

2.7. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 đã Sửa đổi, ngành, nghề số thứ tự 29 và bổ sung ngành, nghề số thứ tự 29a vào sau số thứ tự 29 của Phụ lục IV về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện như sau:

“29. Môi giới bảo hiểm

29a. Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm”.

3. Bổ Sổ hộ khẩu giấy và các phương thức tra cứu thông tin cư trú của công dân thay thế Sổ hộ khẩu giấy



Khoản 3 Điều 38 Luật cư trú 2020 quy định: “*Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú đã được cấp vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định*

của Luật này cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022”. Như vậy, từ ngày 01/01/2023, Sổ hộ khẩu giấy, Sổ tạm trú giấy không còn giá trị sử dụng.

Ngày 01/01/2023, Nghị định 104/2022/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 21/12/2022 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công chính thức có hiệu lực.

Theo đó, thay vì sử dụng sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy thì thông tin về cư trú của công dân tại thời điểm làm thủ tục hành chính được

cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính ghi nhận và lưu giữ trong hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

Việc khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được thực hiện bằng một trong các phương thức sau:

- Tra cứu, khai thác thông tin cá nhân qua chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia;

- Tra cứu thông tin cá nhân thông qua tài khoản định danh điện tử của công dân được hiển thị trong ứng dụng VNeID;

- Sử dụng thiết bị đầu đọc đã được kết nối trực tuyến với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bao gồm thiết bị đọc mã QRCode hoặc

thiết bị đọc chip trên thẻ Căn cước công dân gắn chip;

- Các phương thức khai thác khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức nêu trên, cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công có thể yêu cầu công dân nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú.

Các loại giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú bao gồm: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

4. Các chính sách mới về Bảo hiểm y tế (BHYT)

4.1. Quy trình giám định BHYT mới

Từ ngày 01/01/2023, Quy trình giám định BHYT sẽ được thực hiện theo quy định mới tại Quyết định số 3618/QĐ-BHXH của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Theo đó việc giám định BHYT được thực hiện song song dưới 02 hình thức:

- Công tác giám định chủ động (đây là giám định do cơ quan BHXH trực tiếp thực hiện);

- Công tác Giám định tự động (đây là hình thức giám định sử dụng phần mềm kiểm tra thông tin trong dữ liệu điện tử).

Ngoài ra, Quyết định số 3618/QĐ-BHXH cũng hướng dẫn chi tiết các nghiệp vụ giám định chi phí khám, chữa bệnh BHYT theo 03 hình thức: Giám định trên dữ liệu; giám định trên hồ sơ, tài liệu và giám định thanh toán trực tiếp.

4.2. Có thể đăng ký mua thẻ BHYT tại nhà thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia

Theo Quyết định số 3510/QĐ-BHXH ngày 21/11/2022 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, từ ngày 01/01/2023, người tham gia BHYT thuộc nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng (gồm: Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo; Người thuộc hộ

gia đình nghèo đa chiều; Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình) hoặc thuộc nhóm tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình có thể ngồi tại nhà đăng ký mua thẻ và đóng tiền BHYT thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia mà không cần đến trực tiếp cơ quan BHXH khi thực hiện các thủ tục đăng ký tham gia BHYT bao gồm cả đăng ký tham gia lần đầu, đóng tiếp BHYT, thay đổi đối tượng từ nhóm khác sang nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoặc tham gia theo hộ gia đình.



4.3. Sửa hướng dẫn về đối tượng tham gia BHYT hộ gia đình

Điều 37 Luật Cư trú 2020 đã sửa đổi thuật ngữ về hộ gia đình tham gia BHYT tại Luật BHYT 2008 (được sửa đổi bổ sung 2014): “*Hộ gia đình tham gia BHYT (sau đây gọi chung là hộ gia đình) là những người cùng đăng ký thường trú hoặc cùng đăng ký tạm trú tại một chỗ ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về cư trú*”.

Để đảm bảo tính thống nhất, Chính phủ đã ban hành Nghị định 104/2022/NĐ-CP ngày

21/12/2022 sửa đổi quy định về nhóm đối tượng tham gia BHYT hộ gia đình, bao gồm:

- Những người có tên trong cùng một hộ gia đình đăng ký thường trú;
- Những người có tên trong cùng một hộ gia đình đăng ký tạm trú;
- Những người có chức sắc, chức việc, nhà tu hành;
- Người sinh sống trong cơ sở bảo trợ xã hội mà không được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng BHYT.

4.4. Nhận thẻ BHYT hộ người thân không cần mang theo sổ hộ khẩu

Cụ thể, Nghị định 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 đã bỏ cụm từ “bản sao sổ hộ khẩu” trong số các giấy tờ mà người đi nhận kết quả thay phải xuất trình nhằm chứng minh quan hệ là nhân thân hoặc giám hộ đối với người được cấp thẻ BHYT tại mục 4, phần hướng dẫn của Mẫu số 4 ban hành kèm theo Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018.

Như vậy, trường hợp người thân hoặc người giám hộ đi nhận kết quả thay thì phải xuất trình các loại giấy tờ sau:

- Giấy hẹn;
- Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân;
- Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân gồm bản sao giấy khai sinh hoặc giấy chứng sinh hoặc Giấy kết hôn hoặc Giấy xác nhận cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc quyết định công nhận việc giám hộ.

5. Tăng mức lãi suất cho vay hỗ trợ nhà ở năm 2023



Đây là nội dung tại Quyết định số 2081/QĐ-NHNN ngày 12/12/2022 của Ngân hàng nhà nước (thay thế Quyết định 1956/QĐ-NHNN ngày 03/12/2021) về mức lãi suất của ngân hàng thương mại áp dụng trong năm 2023 đối với dư nợ của các khoản cho vay hỗ trợ nhà ở theo quy định tại các Thông tư số 11/2013/TT-NHNN ngày 15/5/2003, Thông tư số 32/2014/TT-NHNN ngày 18/11/2014

và Thông tư số 25/2016/TT-NHNN ngày 29/7/2016 do Ngân hàng Nhà nước ban hành.

Cụ thể, mức lãi suất của các ngân hàng thương mại áp dụng trong năm 2023 đối với dư nợ của các khoản cho vay hỗ trợ nhà ở là 5,0%/năm, tăng 0,2% so với mức lãi suất quy định tại Quyết định 1956/QĐ-NHNN năm 2021.

Các ngân hàng cho vay áp dụng mức lãi suất nêu trên bao gồm:

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank);
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV);
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank);
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank);
- Các ngân hàng thương mại cổ phần khác do Ngân hàng Nhà nước chỉ định.

6. Từ năm 2023, điều chỉnh mức phụ cấp trách nhiệm cán bộ công đoàn cơ sở

Ngày 08/12/2022, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành Quyết định 5692/QĐ-TLĐ thay thế Quyết định 3226/QĐ-TLĐ ngày 20/9/2021 Quy định chế độ phụ cấp cán bộ công đoàn các cấp.

Theo đó, từ ngày 01/01/2023, hệ số phụ cấp trách nhiệm cán bộ công đoàn cơ sở cao nhất là 1,00 (áp dụng với chủ tịch công đoàn).

Mức lương làm cơ sở tính hưởng phụ cấp quy định như sau:

- Đối với Công đoàn cơ sở khu vực hành chính, sự nghiệp nhà nước:

Mức phụ cấp hằng tháng = (Hệ số phụ cấp trách nhiệm) x (Mức lương cơ sở theo quy định của Nhà nước).

Trong đó, mức lương cơ sở năm 2023 dự kiến như sau:

STT	Thời gian	Mức lương cơ sở (đồng/tháng)
1	01/01/2023 – 30/6/2023	1.490.000 (Áp dụng theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019)
2	Từ ngày 01/7/2023	1.800.000 (Áp dụng theo Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022)

- Đối với Công đoàn cơ sở doanh nghiệp và công đoàn cơ sở ngoài khu vực nhà nước:

Mức phụ cấp hằng tháng = (Hệ số phụ cấp trách nhiệm) x (Mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Nhà nước).

Trong đó, mức lương tối thiểu vùng năm 2023 áp dụng theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022, cụ thể:

STT	Vùng	Mức lương tối thiểu (đồng/tháng)
1	I	4.680.000
2	II	4.160.000
3	III	3.640.000
4	IV	3.250.000

7. Tăng độ tuổi nghỉ hưu của người lao động

Theo lộ trình tăng độ tuổi nghỉ hưu được quy định tại Điều 169 Bộ luật Lao động 2019 và Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020, tuổi nghỉ hưu năm 2023 của người lao động sẽ tăng 03 tháng đối với nam và tăng 04 tháng đối với nữ so với năm 2022. Cụ thể:

- Tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường:

+ Lao động nam: Từ đủ 60 tuổi 9 tháng;

+ Lao động nữ: Từ đủ 56 tuổi

- Nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường:

+ Lao động nam: Từ đủ 55 tuổi 9 tháng

+ Lao động nữ: Từ đủ 51 tuổi.

8. Thuế suất thuế giá trị gia tăng của nhiều loại hàng hóa, dịch vụ trở về mức 10%



Theo quy định tại Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: “Giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng trong năm 2022, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức

thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt;”

Theo đó, chính sách hỗ trợ giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ có mức thuế suất 10% chỉ được áp dụng trong năm 2022. Như vậy, từ ngày 01/01/2023, các loại hàng hóa, dịch vụ trước đó được giảm thuế giá trị gia tăng sẽ quay trở lại mức thuế suất cũ là 10%.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Từ ngày 01/01/2023, Sổ hộ khẩu giấy, Sổ tạm trú giấy hết giá trị sử dụng. Vậy làm thế nào để sử dụng, khai thác thông tin cư trú của công dân khi thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự?

Ngày 22/8/2022, Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội đã ban hành Công văn số 5672/C06-TTDLDC về việc phối hợp triển khai thi hành Luật Cư trú 2020. Theo đó, Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội hướng dẫn 07 phương thức sử dụng thông tin công dân thay việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự. Cụ thể:

7 CÁCH SỬ DỤNG THÔNG TIN CÔNG DÂN THAY CHO SỔ HỘ KHẨU

- Sử dụng thẻ CCCD có gắn chip điện tử để chứng minh thông tin cá nhân, nơi thường trú
- Sử dụng thiết bị đọc mã QRCode trên thẻ CCCD có gắn chip để đọc thông tin công dân
- Sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ CCCD (Công an cấp huyện đã được trang cấp và đang sử dụng)
- Tra cứu, khai thác thông tin trực tuyến trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư
- Sử dụng ứng dụng VNelD
- Công dân khi cần giấy xác nhận thông tin về cư trú:
 - Trực tiếp đến cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước để đề nghị cấp giấy xác nhận
 - Gửi yêu cầu xác nhận qua dịch vụ công trực tuyến (*)
- Sử dụng Thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư để chứng minh nơi cư trú

CCCD: Căn cước công dân

(*) Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Cổng dịch vụ công quản lý cư trú

Nguồn: Bộ Công an

1.1. Sử dụng thẻ Căn cước công dân (CCCD) gắn chip điện tử là giấy tờ pháp lý chứng minh thông tin về cá nhân, nơi thường trú:

Khoản 1 Điều 3, Điều 18 và Điều 20 Luật Căn cước công dân 2014 quy định, CCCD là thông tin cơ bản về lai lịch, nhân dạng của công dân. Khi công dân xuất trình thẻ CCCD theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không được yêu cầu công dân xuất trình thêm giấy tờ khác chứng nhận các thông tin về CCCD.

Các thông tin trên mặt thẻ CCCD gồm: Ảnh; Số thẻ CCCD (số định danh cá nhân); Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quốc tịch; Quê quán; Nơi thường trú; Ngày, tháng, năm hết hạn; Đặc điểm nhân dạng; Vân tay; Ngày, tháng, năm cấp thẻ; Họ, chữ đệm và tên, chức danh, chữ ký của người cấp thẻ.

1.2. Sử dụng thiết bị đọc mã QRCode trên thẻ CCCD có gắn chip:

Công dân, cơ quan, tổ chức sử dụng thiết bị đọc QRCode (theo tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) tích hợp với máy tính hoặc thiết bị di động để đọc thông tin công dân từ mã QRCode trên thẻ CCCD. Các thông tin gồm: Số CCCD; số CMND 9 số; Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi thường trú; Ngày cấp CCCD.

1.3. Sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ CCCD:

Công dân, cơ quan, tổ chức sử dụng thiết bị đọc thông tin trong chip trên thẻ CCCD phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, giao dịch dân sự... Thiết bị này do Trung tâm dữ liệu Quốc gia về dân cư, Cục Cảnh sát QLHC về TTXH nghiên cứu kết hợp sản xuất. Hiện nay, Công an cấp huyện đã được trang bị và đang sử dụng.

Các thông tin gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Nơi thường trú; Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; Số chứng minh đã được cấp; Ngày cấp; Ngày hết hạn (của thẻ CCCD); Đặc điểm nhận dạng; ảnh chân dung; Trích chọn vân tay; Số thẻ CCCD (số định danh cá nhân).

1.4. Người dân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân trực tuyến trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để sử dụng khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự:

Các bước tra cứu bao gồm:

- Bước 1: Truy cập trang web dân cư quốc gia theo địa chỉ: <https://dichvucong.dancuquocgia.gov.vn>

- Bước 2: Đăng nhập tài khoản/mật khẩu truy cập (sử dụng tài khoản Cổng DVC quốc gia); xác thực nhập mã OTP được hệ thống gửi về điện thoại.

- Bước 3: Tại trang chủ, truy cập vào chức năng "Thông tin công dân" và nhập các thông tin theo yêu cầu: Họ tên, số định danh cá nhân, ngày sinh, số điện thoại, mã xác nhận. Sau đó, nhấn Tìm kiếm.

- Bước 4: Thông tin cơ bản của công dân sẽ hiện thị trên màn hình gồm: Họ, chữ đệm và

tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi đăng ký khai sinh; Quê quán; Nơi thường trú; Số định danh cá nhân; Số chứng minh nhân dân.

1.5. Sử dụng ứng dụng VNeID hiển thị các thông tin trên các thiết bị điện tử để phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự:

Công dân đăng ký tài khoản VNeID thông qua các bước:

- Bước 1: Tải ứng dụng VNeID trên điện thoại thông qua ứng dụng CHPlay (đối với hệ điều hành Android) hoặc Appstore (đối với hệ điều hành IOS).

- Bước 2: Mở ứng dụng và đăng ký tài khoản VNeID theo hướng dẫn.

- Bước 3: Nhận mã OTP được gửi về điện thoại và đăng nhập vào tài khoản. Tại bước này, công dân cần tiến hành lựa chọn kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức 1 hoặc mức 2.

+ *Đối với tài khoản định danh mức 1:* công dân có thể thực hiện kích hoạt trực tuyến. Danh sách dịch vụ cung cấp cho tài khoản mức 1 bao gồm: Phòng chống dịch; Tích hợp thông tin cá nhân từ Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư; Dịch vụ Công Quốc gia; Cập nhật các tin tức, bài viết, thông báo mới nhất từ Bộ Công an; Thanh toán hóa đơn.

+ *Đối với tài khoản định danh mức 2:* công dân cần đến cơ quan Công an để tiến hành kích hoạt trực tiếp. Tài khoản định danh mức 2 sẽ cung cấp các dịch vụ như tài khoản mức 1 và kèm theo: Tích hợp thẻ CCCD từ hệ thống CCCD Quốc gia; Tích hợp các loại giấy tờ tùy thân, thông tin người phụ thuộc và nhóm các thông tin của các Bộ, ngành.



Để có thể sử dụng thông tin cá nhân, thông tin cư trú khi thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự, công dân cần tiến hành kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức 2 tại cơ quan Công an.

- Bước 4: Sau khi được kích hoạt, việc sử dụng tài khoản định danh điện tử như sau: Công dân thực hiện đăng nhập một lần trên cổng dịch vụ công quốc gia (liên thông với cổng dịch vụ công của các Bộ, ngành, địa phương) với tên tài khoản là số định danh cá nhân và mật khẩu để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

Tùy từng dịch vụ công trực tuyến, thông tin của công dân sẽ được điền vào biểu mẫu điện tử (Form), người dân không phải điền và không sửa được thông tin. Các thông tin (tùy theo dịch vụ) gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Nơi thường trú; Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; Số chứng minh đã được cấp; Ngày cấp; Ngày hết hạn (của thẻ CCCD); Đặc điểm nhận dạng; ảnh chân dung; Trích chọn vân tay; Số thẻ Căn cước công dân (số định danh cá nhân).

1.6. Sử dụng giấy xác nhận thông tin về cư trú:

Công dân trực tiếp đến cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước (không phụ thuộc vào nơi cư trú của công dân) để đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc gửi yêu cầu xác nhận thông tin về cư trú qua dịch vụ công trực tuyến khi cần thiết (Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Cổng dịch vụ công quản lý cư trú).

Cơ quan đăng ký cư trú sẽ cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú cho công dân dưới hình thức văn bản hoặc văn bản điện tử theo yêu cầu của công dân. Giấy xác nhận thông tin về cư trú có giá trị 30 ngày kể từ ngày cấp và có giá trị 06 tháng kể từ ngày cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Cư trú xác nhận về việc khai báo cư trú.

Giấy Xác nhận thông tin về cư trú sử dụng theo Mẫu CT07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 05/5/2021 của Bộ Công an bao gồm các thông tin cá nhân, thông tin về nơi cư trú của công dân, thông tin về chủ hộ, mối quan hệ của các thành viên trong hộ gia đình.

1.7. Sử dụng Thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư:

Bộ Công an đã chỉ đạo thực hiện cấp Thông báo số định danh và thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho 100% người dân chưa được cấp CCCD trên toàn quốc để người dân sử dụng giải quyết các thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự cần chứng minh nơi cư trú của công dân.

2. Các quy định của pháp luật về sử dụng pháo hoa như thế nào?

Dịp Tết Nguyên đán 2023 sắp đến. Nhu cầu sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ tại nhà như một hoạt động giải trí giúp khuấy động không khí náo nhiệt ngày Tết của người dân cũng tăng lên. Tuy nhiên, việc mua bán, sử dụng pháo như thế nào là hợp pháp? Ngày 27/11/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 137/2020/NĐ-CP về quản lý, sử dụng pháo đã quy định rõ về vấn đề này.

2.1. Cần phân biệt rõ pháo nổ, pháo hoa nổ và pháo hoa

Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 137/2020/NĐ-CP chỉ rõ có hai loại pháo là pháo nổ và pháo hoa.

- Pháo nổ là sản phẩm được chế tạo, sản xuất thủ công hoặc công nghiệp, khi có tác động của xung kích thích cơ, nhiệt, hóa hoặc điện gây ra tiếng nổ hoặc gây ra tiếng rít, tiếng nổ và hiệu ứng màu sắc trong không gian. Pháo nổ gây ra tiếng rít, tiếng nổ và hiệu ứng màu sắc trong không gian được gọi là pháo hoa nổ.

- Pháo hoa là sản phẩm được chế tạo, sản xuất thủ công hoặc công nghiệp, khi có tác động của xung kích thích cơ, nhiệt, hóa hoặc điện tạo ra các hiệu ứng âm thanh, ánh sáng, màu sắc trong không gian, không gây ra tiếng nổ.

Điểm khác biệt dễ nhận thấy nhất giữa hai loại pháo này là pháo hoa không gây ra tiếng nổ.

Cần lưu ý rằng: tổ chức, cá nhân chỉ được sử dụng pháo hoa, không được phép sử dụng pháo nổ.



2.2. Khi nào được sử dụng pháo hoa?

Điều 17 Nghị định số 137/2020/NĐ-CP quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ được sử dụng pháo hoa trong các sự kiện sau: Lễ, tết, sinh nhật, cưới hỏi, hội nghị, khai trương, ngày kỷ niệm và trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật.

2.3. Về địa điểm mua pháo hoa

Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi sử dụng pháo hoa chỉ được mua pháo hoa tại các tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh pháo hoa.

Điều 14 Nghị định số 137/2020/NĐ-CP quy định: Chỉ tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng được kinh doanh pháo hoa và phải được cơ quan Công an có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;

bảo đảm các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa, ứng phó sự cố và bảo vệ môi trường...

Hiện nay, chỉ có Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 được Bộ Quốc phòng cấp phép kinh doanh pháo hoa. Các cửa hàng bán pháo hoa của Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 được mở rộng trên phạm vi cả nước. Do đó, cá nhân, tổ chức lưu ý chỉ mua pháo hoa tại các điểm bán được Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 công bố để sử dụng.

2.4. Các hành vi bị nghiêm cấm

Điều 5 Nghị định số 137/2020/NĐ-CP quy định 9 hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến pháo nổ, pháo hoa như sau:

- Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc chiếm đoạt pháo nổ; trừ trường hợp tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ nghiên cứu, sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, cung cấp, vận chuyển, sử dụng pháo hoa nổ theo quy định tại Nghị định này.

- Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép pháo hoa, thuốc pháo.

- Mang pháo, thuốc pháo trái phép vào, ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc vào nơi cấm, khu vực cấm, khu vực bảo vệ và mục tiêu bảo vệ.

- Lợi dụng, lạm dụng việc sử dụng pháo để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, tính mạng, sức khỏe, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Trao đổi, tặng, cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố pháo hoa nổ hoặc thuốc pháo để sản xuất pháo trái phép; vận chuyển, bảo quản, tiêu hủy pháo không bảo đảm an toàn hoặc làm ảnh hưởng đến môi trường.

- Chiếm đoạt, mua, bán, trao đổi, tặng, cho, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, làm giả, sửa chữa, tẩy xóa các loại giấy phép về pháo.

- Giao pháo hoa nổ, thuốc pháo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện theo quy định.

- Hướng dẫn, huấn luyện, tổ chức huấn luyện cách thức chế tạo, sản xuất, sử dụng trái phép pháo dưới mọi hình thức.

- Cố ý cung cấp thông tin sai lệch về quản lý, bảo quản pháo, thuốc pháo; không báo cáo hoặc báo cáo không kịp thời, che giấu hoặc làm sai lệch thông tin về việc mất, thất thoát, tai nạn, sự cố về pháo, thuốc pháo.

Nếu có hành vi vi phạm, cá nhân, tổ chức có thể bị xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền tối đa là 40.000.000 đồng đối với cá nhân, 80.000.000 đồng đối với tổ chức. Ngoài ra, cá nhân, tổ chức vi phạm có thể phải chịu trách nhiệm hình sự nếu có dấu hiệu của tội phạm.

Tổng kết lại, để có một mùa Tết Nguyên đán vui vẻ, náo nhiệt, tránh những rủi ro, nguy hiểm không đáng có, các cá nhân, tổ chức cần nắm rõ và tuân thủ các quy định của pháp luật về mua, sử dụng pháo, chỉ nên mua hoa tại các cửa hàng đã được Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 công bố công khai trên trang web của công ty để sử dụng.

3. Làm thế nào để bảo đảm an toàn an ninh thông tin cho camera giám sát

Hiện nay, hàng triệu camera giám sát dựa trên nền tảng giao thức mạng (sau đây gọi tắt là “camera giám sát”) đang được triển khai và sử dụng phổ biến trong cuộc sống hàng ngày. Tuy nhiên, phần lớn các thiết bị này chưa được quản lý sát sao nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ bảo mật có thể bị khai thác nhằm phục vụ các hành vi vi phạm pháp luật như: thu thập trái phép dữ liệu, thông tin của cơ quan, tổ chức, người dùng cho các mục đích lừa đảo, chiếm đoạt tài sản; chiếm quyền điều khiển thiết bị và sử dụng cho các cuộc tấn công mạng, phát tán phần mềm độc hại; có thể làm lộ bí mật nhà nước, làm ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Do đó, để khắc phục các tồn tại và rủi ro về an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin liên quan đến camera giám sát, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/12/2022 về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị camera giám sát.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ xác định công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị camera giám sát là sự hợp tác có hiệu quả của các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu camera giám sát, cung cấp dịch vụ viễn thông, internet. Trong đó, Bộ Thông tin và truyền thông giữ vai trò chủ đạo, có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu an toàn thông tin mạng cơ bản cho camera giám sát và tuyên truyền, phổ biến, tổ chức hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật này.



Nội dung chỉ thị quy định:

3.1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước thực hiện hiệu quả các biện pháp sau:

- Xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, theo quy định của pháp luật và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ khi triển khai các hệ thống thông tin có sử dụng camera giám sát. Thời hạn hoàn thành: Xác định và phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin có sử dụng camera giám sát, hoàn thành chậm nhất trong tháng 3 năm 2023; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin có sử dụng camera giám sát đang vận hành, hoàn thành chậm nhất trong tháng 9 năm 2023.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc khi đầu tư, mua sắm camera giám sát hoặc thuê dịch vụ công nghệ thông tin có sử dụng camera giám sát thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng theo quy định của pháp luật;

thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng định kỳ theo quy định đối với các hệ thống thông tin có sử dụng camera giám sát.

- Sử dụng camera giám sát đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định; không sử dụng camera giám sát không có chứng nhận xuất xứ, chất lượng sản phẩm hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền cảnh báo không bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Đáp ứng nguồn lực, kinh phí bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin có sử dụng camera giám sát; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ nếu để xảy ra mất an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin, lộ bí mật nhà nước từ các hệ thống thông tin có sử dụng camera giám sát thuộc phạm vi quản lý.

- Xây dựng và rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng của cơ quan, đơn vị, trong đó quy định rõ sử dụng camera giám sát phải bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Sau khi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu an toàn thông tin mạng cơ bản cho camera giám sát được ban hành, các bộ, ngành có liên quan khẩn trương nghiên cứu, tổ chức thực hiện áp dụng quy chuẩn kỹ thuật này trong phạm vi quản lý.

3.2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

- Ưu tiên lồng ghép các nội dung tuyên truyền, hướng dẫn bảo đảm an toàn thông tin mạng cho camera giám sát trong quá trình triển khai Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025” theo Quyết định

số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng bộ tiêu chí về yêu cầu an toàn thông tin mạng cơ bản cho camera giám sát. Thời hạn hoàn thành: tháng 3 năm 2023.

- Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu an toàn thông tin mạng cơ bản cho camera giám sát và tuyên truyền, phổ biến, tổ chức hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật này. Thời hạn hoàn thành: tháng 11 năm 2023.

- Công bố danh mục camera giám sát đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu an toàn thông tin mạng cơ bản cho camera giám sát.

- Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các nội dung tại Chỉ thị này; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

3.3. Bộ Công an có trách nhiệm:

- Tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân lợi dụng camera giám sát để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

- Tổ chức đánh giá an ninh thông tin đối với hệ thống camera giám sát tại các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia trước khi đưa vào vận hành, sử dụng.

- Nghiên cứu, xây dựng quy định về việc thiết lập, quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh trật tự của lực lượng Công an nhân dân để thống nhất thực hiện trên phạm vi toàn quốc.

3.4. Bộ Tài chính có trách nhiệm: tăng cường quản lý hoạt động nhập khẩu camera giám sát theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

yêu cầu an toàn thông tin mạng cơ bản cho camera giám sát.

3.5. Bộ Công Thương có trách nhiệm: tăng cường quản lý, kiểm tra hoạt động kinh doanh camera giám sát, không để các camera giám sát không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu an toàn thông tin mạng cơ bản cho camera giám sát lưu thông trên thị trường; đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về làm giả, nhập lậu camera giám sát.

3.6. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan báo chí có trách nhiệm: bố trí chuyên mục, kênh phát sóng, thời gian phát sóng chương trình, tin bài về an toàn thông tin mạng, trong đó có nội dung liên quan đến camera giám sát để nâng cao nhận thức và phổ biến kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin mạng cho người sử dụng.

3.7. Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu camera giám sát:

- Sản xuất hoặc kinh doanh, nhập khẩu camera giám sát đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu an toàn thông tin mạng cơ bản cho camera giám sát.

- Doanh nghiệp sản xuất chủ động thông báo và cung cấp bản cập nhật, nâng cấp phần mềm cho camera giám sát khi phát hiện điểm yếu, lỗ hổng bảo mật; hợp tác, hỗ trợ khắc phục xử lý sự cố mất an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin liên quan đến camera giám sát do doanh nghiệp sản xuất khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3.8. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet:

- Chủ động kiểm tra và xử lý các camera giám sát không bảo đảm an toàn thông tin mạng do doanh nghiệp cung cấp trên hạ tầng mạng lưới của doanh nghiệp.

- Chủ động thông báo cho người sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp khi phát hiện camera giám sát của người sử dụng không bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Phối hợp với cơ quan chức năng của Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc theo dõi, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các camera giám sát không bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Phối hợp với cơ quan chức năng của Bộ Công an trong việc phát hiện và xử lý tổ chức, cá nhân lợi dụng camera giám sát để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

4. Đã có thể tố giác tội phạm trực tuyến thông qua ứng dụng định danh điện tử VNeID

Ứng dụng định danh điện tử VNeID là phần mềm do Bộ Công an phục vụ việc đăng ký, quản lý định danh định tử và xác thực điện tử. Ngoài các chức năng như xác định, cung cấp các thông tin cá nhân, thông tin cư trú trong thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự, khai báo y tế, cập nhật các tin tức, bài viết, thông báo mới của Bộ Công an,... thì trên

ứng dụng VNeID, công dân còn có thể thực hiện tố giác tội phạm. Vậy, cách thức tố giác tội phạm trên VNeID như thế nào? NTB Legal sẽ cùng Quý bạn đọc tìm hiểu thông tin về vấn đề này.



4.1. Những hành vi có thể tố giác trên ứng dụng VNeID

Hiện nay, với tài khoản định danh điện tử mức 2 trên ứng dụng VNeID thì công dân có thể tố giác những tội phạm sau:

- Tội thu thập tàng trữ trao đổi mua bán không khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng;
- Tội cung cấp dịch vụ trái phép trên mạng máy tính mạng viễn thông;
- Tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu an toàn tìm kiếm cứu hộ cứu nạn quốc phòng an ninh.
- Tội cố ý gây nhiễu có hại;
- Tội vi phạm quy định về sử dụng lao động dưới 16 tuổi;
- Tội cưỡng bức lao động;
- Tội bắt cóc con tin;
- Tội cướp biển;
- Tội làm nhục đồng đội;
- Tội hành hung đồng đội;
- Tội chiếm đoạt mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác quân sự;
- Tội làm mất tài liệu bí mật công tác quân sự;
- Tội đăng ký hộ tịch trái pháp luật;

- Tội làm lính đánh thuê;
- Tội tổ chức môi giới cho người khác xuất cảnh nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép;
- Tội vi phạm quy định về giam giữ;
- Tội gây rối trật tự phiên tòa.

4.2. Cách thức tố giác tội phạm trên ứng dụng VNeID

* **Bước 1:** Truy cập chức năng tố giác tội phạm trên ứng dụng VNeID trong Nhóm chức năng Dịch vụ khác hoặc sử dụng chức năng tìm kiếm ở trang chủ để thực hiện tìm kiếm chức năng Tố giác tội phạm.

* **Bước 2:** Sau khi truy cập vào chức năng Tố giác tội phạm, người dùng nhấn vào ô “Tạo mới yêu cầu”, hệ thống sẽ hiển thị giao diện để nhập thông tin.

* **Bước 3:** Người tố giác tiến hành nhập thông tin, trong đó các thông tin có dấu (*) là thông tin bắt buộc.

Nếu người tố giác muốn giữ bí mật về thông tin của mình tích chọn ô “Ẩn danh”. Hệ thống sẽ đánh dấu người dùng muốn ẩn thông tin của mình và hiển thị thông báo.

Nếu người tố giác đại diện cho một cơ quan, tổ chức tạo hồ sơ tích chọn ô “Là đại diện cơ quan tổ chức”. Hệ thống sẽ hiển thị thêm các trường thông tin để nhập bổ sung thông tin.

- Về thông tin Địa điểm xảy ra vụ việc:

+ Trường hợp người tố giác biết rõ về Địa điểm xảy ra, Hệ thống sẽ tự động gửi hồ sơ tố giác, tin báo tới cơ quan công an phụ trách địa bàn đó để tiếp nhận và xử lý hồ sơ.

+ Trường hợp người tố giác không biết rõ về địa điểm xảy ra vụ việc tích chọn ô “Không rõ địa điểm xảy ra vụ việc”. Hệ thống sẽ mặc

định gửi hồ sơ tố giác, tin báo tới cơ quan công an nơi người tố giác thường trú.

+ Trường hợp người tố giác muốn đổi sang cơ quan công an khác tiếp nhận để phù hợp với tình huống thực tế thì ấn nút “Đổi cơ quan công an tiếp nhận”. Hệ thống sẽ hiển thị thêm trường thông tin để người tố giác chọn cơ quan công an tiếp nhận hồ sơ.

- Đối với mục “Hành vi”, người tố giác có thể chọn tối đa 03 hành vi vi phạm

- Tại trường “Tóm tắt nội dung”, người tố giác phải nhập ít nhất các nội dung sau:

- + Tóm tắt về diễn biến sự việc;
- + Đặc điểm nhận dạng người bị tố giác;
- + Thông tin tóm tắt người bị hại;
- + Hậu quả.

* **Bước 4:** Sau khi đã nhập đủ và đúng các trường thông tin, người tố giác ấn “Tiếp tục” để chuyển sang màn hình Xác nhận nội dung hồ sơ tố giác, tin báo đã nhập.

Người tố giác cần tích chọn ô “Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai ở trên” trước khi ấn “Xác nhận” để xác nhận lại các thông tin trong hồ sơ tin báo, tố giác là đúng sự thật.

* **Bước 5:** Sau khi Xác nhận hệ thống sẽ tạo hồ sơ tin báo tố giác và gửi tới cho cơ quan công an tiếp nhận và xử lý hồ sơ.

Các hồ sơ tố giác, tin báo sau khi tạo thành công sẽ hiển thị ở trang quản lý hồ sơ tố giác, tin báo. Để có thể hiển thị thông tin chi tiết hơn hoặc tìm kiếm hồ sơ, người dùng chuyển sang giao diện xem lịch sử hồ sơ tố giác, tin báo.

5. Có được chuyển nhượng cổ phần trong công ty cổ phần cho người 12 tuổi không?



Khoản 3 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về quyền góp vốn, mua phần vốn góp trong doanh nghiệp như sau:

“3. Tổ chức, cá nhân có quyền góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật này, trừ trường hợp sau đây:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Phòng, chống tham nhũng.”

Theo đó, pháp luật doanh nghiệp không hạn chế độ tuổi được góp vốn, mua cổ phần/ phần vốn góp trong doanh nghiệp.

Khoản 3 Điều 21 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về các giao dịch do người mới 12 tuổi xác lập như sau:

“3. Người từ đủ sáu tuổi đến chưa đủ mười lăm tuổi khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật

đồng ý, trừ giao dịch dân sự phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi.”

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Dân sự 2015, người đại diện theo pháp luật của cá nhân là:

- Cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- Người giám hộ đối với người được giám hộ. Người giám hộ của người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là người đại diện theo pháp luật nếu được Tòa án chỉ định;
- Người do Tòa án chỉ định trong trường hợp không xác định được người đại diện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;
- Người do Tòa án chỉ định đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Như vậy, có thể chuyển nhượng cổ phần trong công ty cổ phần cho người 12 tuổi. Tuy nhiên, việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng cổ phần phải được người đại diện theo pháp luật/ người giám hộ của người 12 tuổi đồng ý và được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật/ người giám hộ của người 12 tuổi.

HƯỚNG DẪN THỦ TỤC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP KINH DOANH BẢO HIỂM

Hiện nay, bên cạnh các loại bảo hiểm bắt buộc phải đóng, nhu cầu tham gia bảo hiểm về sức khỏe, tính mạng ngày càng tăng. Đây là môi trường thuận lợi cho việc kinh doanh bảo hiểm. Từ ngày 01/01/2023, Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 16/6/2022 chính thức có hiệu lực pháp luật. Vậy để thành lập một doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm cần đáp ứng những điều kiện gì, thủ tục như thế nào? Sau đây, NTB Legal xin gửi tới Quý bạn đọc các thông tin liên quan đến nội dung này.



1. Các hình thức tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm bao gồm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Công ty cổ phần.

2. Nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

- Nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài bao gồm:

+ Kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm;

+ Quản lý các quỹ và đầu tư vốn từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm;

+ Cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;

+ Hoạt động khác liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

- Nội dung hoạt động của doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài bao gồm:

+ Kinh doanh tái bảo hiểm; nhượng tái bảo hiểm;

+ Quản lý các quỹ và đầu tư vốn từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm;

+ Hoạt động khác liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm.

- Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài chỉ được phép kinh doanh một trong ba loại hình bảo hiểm: bảo hiểm nhân thọ/bảo hiểm sức khỏe/bảo hiểm phi nhân thọ, trừ các trường hợp sau đây:

+ Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ kinh doanh bảo hiểm sức khỏe;

+ Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài kinh doanh các sản phẩm thuộc loại hình bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 01 năm trở xuống và các sản phẩm bảo hiểm cho rủi ro tử vong có thời hạn từ 01 năm trở xuống;

+ Doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm cho rủi ro tử vong có thời hạn từ 01 năm trở xuống.

3. Điều kiện để được cấp giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm

3.1. Điều kiện chung

a) Điều kiện về cổ đông, thành viên góp vốn thành lập:

- Là tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Căn cứ Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020, các tổ chức, cá nhân sau đây không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm:

+ Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

+ Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

+ Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

+ Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp 2020, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

+ Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

+ Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng;

+ Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự.

- Là tổ chức có tư cách pháp nhân, đang hoạt động hợp pháp; trường hợp tham gia góp từ 10% vốn điều lệ trở lên thì phải kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và đáp ứng các điều kiện về tài chính theo quy định của Chính phủ;

- Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đã được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm mới thì phải kinh doanh có lãi trong 03 năm tài chính liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của Luật này.

b) Điều kiện về vốn:

- Vốn điều lệ được góp bằng Đồng Việt Nam và không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của Chính phủ;

- Cổ đông, thành viên góp vốn thành lập không được sử dụng vốn vay, nguồn vốn ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân khác để tham gia góp vốn.

c) Điều kiện về nhân sự: Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải có Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán dự kiến đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực quản lý, kinh nghiệm và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. Cụ thể:

- Phải có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp nêu trên.

- Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm.

- Riêng với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên: Phải có bằng đại học trở lên và phải có ít nhất 05 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.

- Riêng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên: Phải có bằng đại học trở lên và phải có ít nhất 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài

chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.

- Riêng với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật: Phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm hoặc có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp; Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, trong đó có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài và phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

- Riêng với các chức vụ quản lý khác: Phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm hoặc có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ bảo hiểm phù hợp với loại hình bảo hiểm mà doanh nghiệp được phép triển khai do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp; Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn dự kiến đảm nhiệm. Các trưởng bộ phận nghiệp vụ phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm hoặc lĩnh vực chuyên môn dự kiến đảm nhiệm. Phải Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

d) Được tổ chức hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ

phần và phải có dự thảo điều lệ phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

3.2. Các điều kiện riêng

a) Đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn:

Thành viên góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải là tổ chức. Ngoài các điều kiện chung nêu trên, thành viên góp vốn còn phải đáp ứng được các điều kiện sau:

- Đối với thành viên góp vốn là tổ chức nước ngoài:

+ Phải là doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài;

+ Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm của nước nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;

+ Lĩnh vực dự kiến đề nghị cấp giấy phép thực hiện tại Việt Nam là lĩnh vực mà doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đang trực tiếp thực hiện hoặc có công ty con thực hiện tối thiểu trong 07 năm liên tục gần nhất;

+ Có tổng tài sản không thấp hơn 02 tỷ Đô la Mỹ vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động;

+ Cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, điều hành, hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm,

doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập tại Việt Nam; bảo đảm doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm này thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn tài chính, quản trị rủi ro theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

+ Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đáp ứng điều kiện được các điều kiện trên có thể ủy quyền cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam. Công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài phải đáp ứng điều kiện: Cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, điều hành, hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập tại Việt Nam; bảo đảm doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm này thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn tài chính, quản trị rủi ro theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Đối với thành viên góp vốn là tổ chức kinh tế được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì phải có tổng tài sản không thấp hơn 2.000 tỷ Đồng Việt Nam vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

b) Đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hoạt động theo mô hình công ty cổ phần:

Ngoài việc đáp ứng các điều kiện chung nêu trên thì doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hoạt động theo mô hình công ty cổ phần còn phải đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông góp vốn thành lập sau:

- Có tối thiểu 02 cổ đông là tổ chức; mỗi cổ đông phải đáp ứng được điều kiện như đối với thành viên góp vốn của doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm hoạt động theo mô hình trách nhiệm hữu hạn nêu trên và phải góp từ 10% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;

- Cổ đông là cá nhân không được góp vượt quá 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.



5. Thủ tục thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm

* Bước 1: Thành lập doanh nghiệp tại Sở kế hoạch và Đầu tư

- Lập và nộp hồ sơ thành lập doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;
- + Điều lệ công ty;
- + Danh sách thành viên góp vốn đối với công ty trách nhiệm hữu hạn/ Danh sách cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần;
- + Bản sao chứng thực các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc các tài liệu tương đương

khác của thành viên góp vốn/ cổ đông là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật của thành viên góp vốn/ cổ đông là tổ chức; Giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân (chỉ đối với công ty cổ phần).

Lưu ý về ngành, nghề kinh doanh cần đăng ký: Cần đăng ký các ngành, nghề về bảo hiểm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

- Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho. Đồng thời, Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sẽ tự động công bố thông tin đăng ký doanh nghiệp.

* Bước 2: Thực hiện các thủ tục sau thành lập doanh nghiệp. Bao gồm:

- Khắc con dấu công ty;
- Mua và đăng ký sử dụng chữ ký số điện tử;
- Mở tài khoản ngân hàng của doanh nghiệp;
- Lập và đăng ký tài khoản thuế điện tử để kê khai, nộp thuế;
- Đăng ký mua và sử dụng hóa đơn điện tử.

* Bước 3: Xin cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tại Bộ Tài chính

- Lập và nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Thành phần hồ sơ gồm có:

- + Văn bản đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động;
- + Dự thảo điều lệ đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm; dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam;

+ Phương án hoạt động 05 năm đầu, trong đó nêu rõ các nghiệp vụ bảo hiểm dự kiến triển khai, mô hình quản trị rủi ro, phương thức trích lập dự phòng nghiệp vụ, chương trình tái bảo hiểm, đầu tư vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam;

+ Sơ yếu lý lịch, Phiếu lý lịch tư pháp, bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán;

+ Mức vốn góp và phương thức góp vốn, danh sách những tổ chức, cá nhân sáng lập hoặc thành viên, cổ đông dự kiến góp từ 10% số vốn điều lệ trở lên và các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm của các tổ chức, cá nhân đó;

+ Danh sách các chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Chính phủ quy định tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cùng văn bản chấp thuận về nguyên tắc đối với người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán của doanh nghiệp.

*** Bước 4: Chuẩn bị các điều kiện để được chính thức hoạt động**

Để được chính thức hoạt động, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm cần đáp ứng các điều kiện sau:

- Chuyển số vốn gửi tại tài khoản phong tỏa thành vốn điều lệ hoặc vốn được cấp;

- Xây dựng cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với hình thức hoạt động theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; bầu, bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật; bầu, bổ nhiệm các chức danh đã được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc;

- Ban hành các quy chế quản lý nội bộ về tổ chức hoạt động, quy chế nội bộ về quản trị rủi ro và các quy trình nghiệp vụ cơ bản theo quy định pháp luật;

- Ký quỹ đầy đủ theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm tại ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam;

- Chuẩn bị trụ sở, cơ sở vật chất, kỹ thuật, hệ thống công nghệ phù hợp với quy trình nghiệp vụ về kinh doanh bảo hiểm;

- Công bố nội dung giấy phép thành lập và hoạt động

+ Bộ Tài chính có trách nhiệm công bố các nội dung của giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cấp giấy phép.

+ Ít nhất 30 ngày trước ngày chính thức hoạt động, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đã được cấp giấy phép thành lập và hoạt động phải công bố các nội

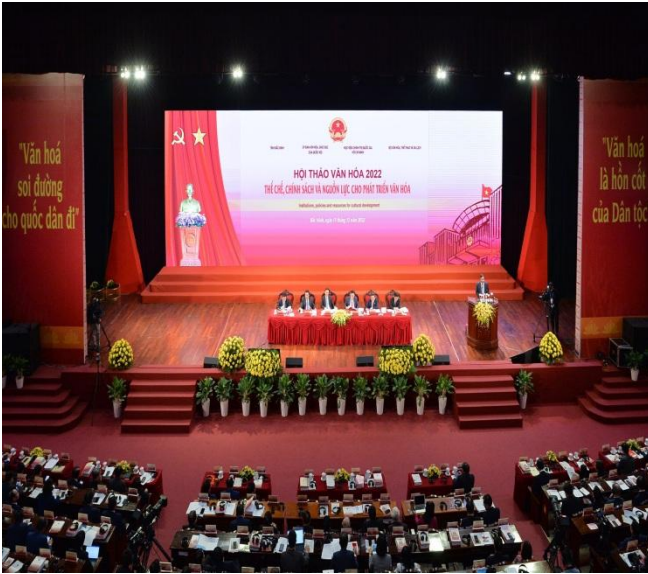
dung của giấy phép và ngày dự kiến chính thức hoạt động trên 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên báo điện tử của Việt Nam.

Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải thông báo cho Bộ Tài chính về việc đáp ứng các điều kiện trên ít nhất 15 ngày trước ngày chính thức hoạt động. Bộ Tài chính có quyền đình chỉ việc chính thức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam khi chưa đáp ứng các điều kiện này.

Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải chính thức hoạt động trong thời

hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đối với trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải báo cáo bằng văn bản và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản về việc gia hạn thời gian chính thức hoạt động; thời gian gia hạn tối đa là 12 tháng.

ĐIỂM TIN HOẠT ĐỘNG



Ngày 17/12/2022 vừa qua, “Hội thảo Văn hóa 2022” được tổ chức theo phương thức tập trung, phát trực tiếp trên các nền tảng trực tuyến tại Trung tâm Văn hóa Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh. với mục đích tiếp tục quán triệt và triển khai các chủ trương, nghị quyết của Đảng về phát triển văn hóa, con người Việt Nam, nhất là các quan điểm, chủ trương mới trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng và phát biểu chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021. Đồng thời, đây cũng là diễn đàn để các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý trong và ngoài nước thảo luận làm rõ các căn cứ lý luận, thực tiễn, làm cơ sở kiến nghị, đề xuất các cơ quan có thẩm quyền về thể chế, chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã quan tâm đến những nội dung chính như rà soát, phân tích hệ thống chủ trương, nghị quyết của

Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa. Đánh giá tình hình thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa; việc huy động, bố trí nguồn lực cho bảo tồn và phát triển văn hóa và các vấn đề đặt ra. Đề xuất, kiến nghị hoàn thiện thể chế, chính sách và các giải pháp đẩy mạnh các nguồn lực cho bảo tồn, phát triển văn hóa.

Với tư cách là chuyên gia nghiên cứu pháp luật và tham gia giải quyết các vụ việc thực tiễn, ThS.LS Lại Xuân Cường – đại diện Công ty Luật TNHH NTB Legal đã có buổi làm việc với phóng viên Ủy ban Văn hóa, Giáo dục và Quốc hội về vấn đề trên. ThS.LS Lại Xuân Cường cho rằng hoàn thiện hành lang pháp luật về văn hóa là vấn đề tiên quyết để bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Việt Nam.

Phóng viên: *Luật sư có nhận định như thế nào về việc xây dựng, hoàn thiện nền tảng pháp lý trong lĩnh vực văn hóa, góp phần tăng cường sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước?*

ThS.LS Lại Xuân Cường: Với sự đánh giá của cá nhân tôi, việc hoàn thiện hành lang pháp lý toàn diện và hệ thống góp phần tăng cường sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước của văn hóa. Trong lĩnh vực văn hóa, hiện Việt Nam có 5 Luật, gồm: Luật Điện ảnh; Luật Di sản văn hóa, Luật Quảng cáo, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Thư viện. Đồng thời tôi thống kê có khoảng 50 Nghị định, 14 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và trên 100 Thông tư, Thông tư liên tịch được điều chỉnh trực tiếp. Các văn bản quy phạm pháp luật đã góp phần

thể chế hóa và cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp 2013 về đảm bảo quyền sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng, tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa của người dân. Bên cạnh đó, việc thể chế hóa hệ thống pháp luật đã từng bước giúp điều chỉnh mối quan hệ giữa các chủ thể trong hệ thống văn hóa theo hướng hài hòa và lành mạnh hơn.

Tôi cũng nhận thấy, việc nỗ lực hoàn thiện khung chính sách đã tạo môi trường thể chế cho phép các ngành công nghiệp văn hóa khai thác, chuyển hóa các nguồn tài nguyên văn hóa thành sức mạnh mềm văn hóa. Hệ thống các văn bản pháp luật về thuế, khuyến khích xã hội hóa, thu hút nguồn lực từng bước tạo cơ sở pháp lý cho việc huy động mọi nguồn lực trong xã hội đầu tư cho văn hóa. Cơ chế, chính sách đang từng bước góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Quá trình hoàn thiện thể chế đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, di sản, di tích lịch sử - văn hóa.

Đặc biệt, trong thời gian gần đây, các nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa số bước đầu phát huy hiệu quả. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, các hoạt động văn hóa nghệ thuật càng có xu hướng chuyển dịch sang môi trường số. Các chương trình biểu diễn nghệ thuật không khán giả được phổ biến rộng rãi thông qua các nền tảng trực tuyến, mạng xã hội... và đạt hiệu quả cao. Điều này thể hiện sự nhanh nhạy, thích ứng linh hoạt của lĩnh vực văn hóa được độc giả đánh giá cao.

Phóng viên: Với hành lang pháp lý như vậy, Luật sư đánh giá như thế nào về việc tạo môi trường để ngành công nghiệp văn hóa khai thác, chuyển hóa các nguồn tài nguyên văn hóa thành sức mạnh mềm văn hóa?

ThS.LS Lại Xuân Cường: Bên cạnh những kết quả đạt được, tôi cho rằng việc hoàn thiện hành lang pháp lý cho lĩnh vực văn hóa vẫn còn một số vấn đề cần quan tâm.

Theo đánh giá của tôi, hệ thống pháp luật về văn hóa có số lượng lớn nhiều văn bản có hiệu lực pháp lý và tính quy phạm còn chưa cao. Qua thực tiễn giải quyết các vụ việc, tôi nhận thấy, hệ thống văn bản pháp luật về văn hóa, gia đình có khoảng 160 văn bản quy phạm pháp luật, gồm nhiều loại khác nhau từ Luật, pháp lệnh đến Thông tư. Tuy nhiên, nhiều văn bản vẫn còn chồng chéo, làm giảm tính minh bạch khiến cho pháp luật trở lên phức tạp, khó áp dụng. Một số lĩnh vực chưa có Luật hoặc pháp lệnh điều chỉnh như nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh. Chưa kể đến một số lĩnh vực còn chưa có văn bản điều chỉnh rõ ràng, cụ thể như lĩnh vực văn học, quản lý hoạt động trò chơi.



Bên cạnh đó, các quy định pháp luật về huy động nguồn lực chưa thể hiện được rằng văn hóa là ngành nghề được ưu tiên, khuyến khích, phát triển. Do đó, ngành văn hóa gặp phải các “điểm nghẽn”, “rào cản”, theo tôi, một phần cũng là từ đây. Có một vài dẫn chứng như: hiện nay, hiệu lực của các quy định về chính sách thuế trong các luật chuyên ngành chỉ mang tính nguyên tắc về ưu đãi, việc áp dụng phụ thuộc vào các quy định cụ thể của từng đạo luật về thuế. Luật Đầu tư năm 2020 quy định văn hóa là một trong những ngành, nghề được ưu đãi đầu tư, tuy nhiên chỉ giới hạn trong lĩnh vực hẹp là bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, trong khi văn hóa là lĩnh vực rộng với 9 chuyên ngành. Năm 2020, Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), tuy nhiên chỉ có 5 lĩnh vực được áp dụng đầu tư theo phương thức PPP, trong đó không có lĩnh vực văn hóa. Như vậy, có thể thấy căn cứ Luật Đầu tư và Luật PPP thì lĩnh vực văn hóa chưa hoàn toàn là ngành, nghề được ưu tiên khuyến khích.

Cùng với đó, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định thu nhập được miễn thuế đối với các khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho các hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện... và phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hóa khác để lại đầu tư phát triển cơ sở đó theo quy định của pháp luật chuyên ngành, tuy nhiên lại không có lĩnh vực văn hóa...

Như vậy, từ phân tích trên, có thể nhận thấy việc hoàn thiện hành lang pháp luật về

văn hóa là vấn đề quan trọng, vấn đề tiên quyết để bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Việt Nam.



Phóng viên: Qua việc đánh giá những tồn tại, hạn chế trong hoàn thiện hành lang pháp luật về văn hóa, Luật sư có đề xuất những giải pháp, chính sách gì cho lĩnh vực này?

ThS.LS Lại Xuân Cường: Hoàn thiện hành lang pháp luật cho một ngành, một lĩnh vực nào đó không phải là vấn đề một sớm một chiều. Chúng ta phải đưa ra những kế hoạch, giải pháp để đảm bảo lộ trình hoàn thiện hành lang pháp lý toàn diện và hệ thống, góp phần vào quá trình khai thác sức mạnh và phát triển ngành văn hóa của đất nước. Đặc biệt, việc nghiên cứu, đánh giá chuyên sâu hệ thống pháp luật về văn hóa trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư để đi đến tìm kiếm những định hướng, giải pháp, nguyên tắc chung mang tính đồng bộ, khả thi là thực sự cần thiết và là đòi hỏi tất yếu.

Đối với hệ thống pháp luật về văn hóa, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 có thể kể đến một số sản phẩm, dịch vụ văn hóa có xu hướng chuyển dần sang công nghệ số,

không gian mạng thách thức các quy định mang tính truyền thống.

Cách mạng công nghiệp 4.0 với nền tảng số, internet toàn cầu, trí tuệ nhân tạo sẽ tạo ra xu hướng mới trong sinh hoạt cộng đồng, gia đình và xã hội với những đô thị, khu dân cư thông minh để làm ảnh hưởng tới bản sắc văn hóa cộng đồng truyền thống. Điều này thách thức quy định của pháp luật hiện hành về bảo tồn di sản văn hóa truyền thống, về các công tác văn hóa cơ sở, về công tác gia đình... Do đó, đòi hỏi phải nghiên cứu hiện trạng kinh tế - xã hội và nhu cầu sống và làm việc của người dân, để tạo cơ sở pháp lý phù hợp cho các cộng đồng sống và làm việc đa dạng, với sự hỗ trợ của nhiều cấp độ ứng dụng công nghệ thông minh, nhưng vẫn bảo tồn và phát huy được các giá trị văn hóa truyền thống.

Về giải pháp trước mắt, tôi cho rằng, tới đây cần tiếp tục điều chỉnh, sửa đổi một số Luật chuyên ngành như Luật Đầu tư, Luật PPP, các Luật thuế, đặc biệt là thuế thu nhập doanh nghiệp, Nghị định về khuyến khích xã hội hóa nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn lực Nhà nước, huy động nguồn lực xã hội và tối ưu hóa nguồn lực nội sinh từ văn hóa. Trong đó sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan để khơi thông nguồn lực từ văn hóa trong hạ tầng của văn hóa, có chính sách phù hợp phát huy, sử dụng có hiệu quả tài sản kết cấu hạ tầng, thiết chế văn hóa, tài sản đặc thù của văn hóa; cơ chế tự chủ tài chính đồng bộ với nhân sự, kế hoạch của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa. Bổ sung các chính sách thúc đẩy phát triển tài

năng, tinh hoa trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, nhân lực của ngành văn hóa từ nguồn lực Nhà nước, ưu tiên nhân lực sáng tạo và nhân lực quản lý. Các chính sách về nguồn lực nhà nước đầu tư cho văn hóa cũng cần tính đến chính sách tầm quốc gia, chính sách của địa phương, chính sách đặc thù, chính sách thúc đẩy phát triển văn hóa tinh hoa (văn hóa, nghệ thuật) và hỗ trợ phát triển văn hóa quần chúng.

Về giải pháp lâu dài, việc hoàn thiện hành lang pháp luật trong lĩnh vực văn hóa cần bảo đảm bảo tồn, phát huy nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Bên cạnh đó, cần coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về văn hóa bằng nhiều biện pháp khác nhau để người dân nhận thức đúng đắn về pháp luật. Từ đó, hình thành lối sống theo pháp luật, kỷ cương, trật tự, an ninh, an toàn xã hội được bảo đảm, xây dựng nếp sống văn minh trong toàn xã hội. Thường xuyên rà soát, tổng kết, đánh giá quá trình tổ chức, triển khai các quy định của pháp luật vào cuộc sống. Khi xây dựng pháp luật, phải nghiên cứu, đánh giá tác động của pháp luật để hệ thống pháp luật ban hành phải đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất và khả thi.

Theo bài viết của tác giả: Hồ Hương./.

(Tham khảo bài viết tại link:

<https://hoithaovhgd.quochoi.vn/bao-chi/tin-tuc/th.s-lai-xuan-cuong-hoan-thien-hanh-lang-phap-luat-ve-van-hoa-van-de-tien-quyet-de-bao-ton-phan-huy-gia-tri-van-hoa-vi.html>)

VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 01/2023

STT	TÊN VĂN BẢN	NGÀY
LUẬT		
1	Luật Cảnh sát cơ động số 04/2022/QH15	BH: 14/6/2022 HL: 01/01/2023
2	Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15	BH: 15/6/2022 HL: 01/01/2023
3	Luật số 07/2022/QH15 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ	BH: 16/6/2022 HL: 01/01/2023
4	Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15	BH: 16/6/2022 HL: 01/01/2023
NGHỊ QUYẾT		
1	Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 về phân loại đô thị	BH: 21/9/2022 HL: 01/01/2023
2	Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính	BH: 21/9/2022 HL: 01/01/2023
NGHỊ ĐỊNH		
1	Nghị định số 71/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh truyền hình	BH: 01/10/2022 HL: 01/01/2023
2	Nghị định số 72/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 quy định về hoạt động in	BH: 04/10/2022 HL: 01/01/2023
3	Nghị định số 94/2022/NĐ-CP quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	BH: 07/11/2022 HL: 01/01/2023
4	Nghị định số 97/2022/NĐ-CP quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi chuyển đổi chủ sở hữu, sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	BH: 29/11/2022 HL: 15/01/2023
5	Nghị định số 98/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp	BH: 29/11/2022 HL: 01/01/2023
6	Nghị định số 99/2022/NĐ-CP về đăng ký biện pháp bảo đảm	BH: 30/11/2022 HL: 15/01/2023
7	Nghị định số 101/2022/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh quân	BH: 08/12/2022

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

	trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh	HL: 30/01/2023
8	Nghị định số 102/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng nhà nước Việt Nam	BH: 12/12/2022 HL: 01/01/2023
9	Nghị định số 104/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	BH: 21/12/2022 HL: 01/01/2023
10	Nghị định số 105/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	BH: 22/12/2022 HL: 15/01/2023
11	Nghị định số 106/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	BH: 24/12/2022 HL: 01/01/2023
12	Nghị định số 108/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	BH: 28/12/2022 HL: 01/01/2023
THÔNG TƯ		
1	Thông tư số 35/2020/TT-BCT của Bộ Công thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có độ thoát khí mê-tan siêu hạng	BH: 30/11/2020 HL: 01/01/2023
2	Thông tư số 15/2022/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi 1:2022 QCVN 89:2015/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa	BH: 30/6/2022 HL: 17/01/2023
3	Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	BH: 29/7/2022 HL: 01/01/2023
4	Thông tư số 06/2022/TT-BVHTTDL bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	BH: 23/9/2022 HL: 01/01/2023
5	Thông tư số 26/2022/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Giao thông vận tải	BH: 20/10/2022 HL: 01/01/2023
6	Thông tư số 04/2022/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn	BH: 24/10/2022 HL: 01/01/2023
7	Thông tư số 14/2022/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành Ngân hàng	BH: 31/10/2022 HL: 01/01/2023
8	Thông tư số 22/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Hội thi thiết bị đào tạo tự làm	BH: 31/10/2022 HL: 01/01/2023
9	Thông tư 15/2022/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền Thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Quyết định số 37/2021/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về mạng bưu chính phục vụ cơ	BH: 31/10/2022 HL: 01/01/2023

	quan Đảng, Nhà nước	
10	Thông tư số 65/2022/TT-BTC của Bộ Tài Chính quy định chi tiết khoản 2, Điều 91 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	BH: 02/11/2022 HL: 01/01/2023
11	Thông tư số 11/2022/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch	BH: 03/11/2022 HL: 01/01/2023
12	Thông tư số 54/2022/TT-BCA của Bộ Công an quy định quy trình hoạt động tuần tra, kiểm soát của Cảnh sát cơ động	BH: 14/11/2022 HL: 01/01/2023
13	Thông tư số 69/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm	BH: 16/11/2022 HL: 01/01/2023
14	Thông tư số 70/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và kiểm toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài	BH: 16/11/2022 HL: 01/01/2023
15	Thông tư số 55/2022/TT-BCA của Bộ Công an quy định phù hiệu, giấy chứng nhận công tác đặc biệt, trang phục huấn luyện, trang phục chiến đấu của Cảnh sát cơ động	BH: 16/11/2022 HL: 01/01/2023
16	Thông tư số 32/2022/TT-BCT của Bộ Công thương sửa đổi Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực	BH: 18/11/2022 HL: 01/01/2023
17	Thông tư số 12/2022/TT-BYT của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc	BH: 21/11/2022 HL: 05/01/2023
18	Thông tư số 82/2022/TT-BQP của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của Việt Nam	BH: 21/11/2022 HL: 18/01/2023
19	Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông	BH: 22/11/2022 HL: 07/01/2023
20	Thông tư số 18/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định quy trình tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên biển của lực lượng	BH: 22/11/2022 HL: 09/01/2023

	Kiểm ngư	
21	Thông tư số 71/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2025 và Chương trình số hóa di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030	BH: 22/11/2022 HL: 08/01/2023
22	Thông tư số 23/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	BH: 25/11/2022 HL: 10/01/2023
23	Thông tư số 06/2022/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình	BH: 30/11/2022 HL: 16/01/2023
24	Thông tư số 15/2022/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam	BH: 30/11/2022 HL: 17/01/2023
25	Thông tư số 16/2022/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về lưu ký và sử dụng giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	BH: 30/11/2022 HL: 17/01/2023
26	Thông tư số 19/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam	BH: 02/12/2022 HL: 16/01/2023
27	Thông tư số 17/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	BH: 05/12/2022 HL: 20/01/2023
28	Thông tư số 89/2022/TT-BQP của Bộ Quốc phòng ban hành Nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân	BH: 06/12/2022 HL: 25/01/2023
29	Thông tư số 18/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài kèm theo Thông tư số 06/2016/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	BH: 15/12/2022 HL: 30/01/2023
30	Thông tư số 09/2022/TT-BNV của Bộ Nội vụ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Nội vụ	BH: 16/12/2022 HL: 30/01/2023
QUYẾT ĐỊNH		
1	Quyết định số 2355/QĐ-BHXH của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội tại địa phương	BH: 16/9/2022 HL: 01/01/2023
2	Quyết định số 2356/QĐ-BHXH của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và chế độ quản lý của các phòng nghiệp vụ thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	BH: 16/9/2022 HL: 01/01/2023
3	Quyết định số 5440/QĐ-TLĐ của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành quy định về nguyên tắc xây dựng và giao dự toán tài chính công đoàn	BH: 10/10/2022 HL: 01/01/2023

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

	năm 2023	
4	Quyết định số 2868/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường	BH: 27/10/2022 HL: 01/01/2023
5	Quyết định số 2958/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Địa chất Việt Nam	BH: 02/11/2022 HL: 01/01/2023
6	Quyết định số 2959/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Khoáng sản Việt Nam	BH: 02/11/2022 HL: 01/01/2023
7	Quyết định số 2966/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Đất đai	BH: 02/11/2022 HL: 01/01/2023
8	Quyết định số 2968/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai	BH: 02/11/2022 HL: 01/01/2023
9	Quyết định số 2989/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Bộ	BH: 04/11/2022 HL: 01/01/2023
10	Quyết định số 3025/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	BH: 07/11/2022 HL: 01/01/2023
11	Quyết định số 3026/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường	BH: 07/11/2022 HL: 01/01/2023
12	Quyết định số 3028/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Môi trường	BH: 07/11/2022 HL: 01/01/2023
13	Quyết định số 3510/QĐ-BHXH của Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy trình đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người chỉ tham gia bảo hiểm y tế trên Cổng Dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2022	BH: 21/11/2022 HL: 01/01/2023
14	Quyết định số 3511/QĐ-BHXH của Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành về Quy trình đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên Cổng Dịch vụ công theo Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2022	BH: 21/11/2022 HL: 01/01/2023
15	Quyết định số 1546/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giao thông vận tải được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	BH: 24/11/2022 HL: 01/01/2023
16	Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	BH: 07/12/2022 HL: 01/01/2023

17	Quyết định số 2264/QĐ-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông	BH: 07/12/2022 HL: 01/01/2023
18	Quyết định số 5692/QĐ-TLĐ của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành Quy định chế độ phụ cấp cán bộ công đoàn các cấp	BH: 08/12/2022 HL: 01/01/2023
19	Quyết định số 3612/QĐ-BHXH của Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy trình giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần áp dụng thí điểm xác thực qua chữ ký số được tích hợp trong ứng dụng trên thiết bị di động theo Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2022	BH: 09/12/2022 HL: 01/01/2023
20	Quyết định số 2291/QĐ-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông	BH: 09/12/2022 HL: 01/01/2023
21	Quyết định số 2081/QĐ-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về mức lãi suất của ngân hàng thương mại áp dụng trong năm 2023 đối với dư nợ của các khoản cho vay hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Thông tư số 11/2013/TT-NHNN ngày 15 tháng 5 năm 2013, Thông tư số 32/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 11 năm 2014 và Thông tư số 25/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 7 năm 2016	BH: 12/12/2022 HL: 01/01/2023
22	Quyết định số 3618/QĐ-BHXH của Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy trình giám định bảo hiểm y tế	BH: 12/12/2022 HL: 01/01/2023
23	Quyết định số 2795/QĐ-BCT của Bộ Công thương về ủy quyền tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của Na Uy và Thụy Sĩ	BH: 16/12/2022 HL: 01/01/2023
24	Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	BH: 27/12/2022 HL: 01/01/2023